



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

**(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: 2730 /QĐ - VPCNCLQG
ngày 25 tháng 09 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc
gia/of BoA Director)**

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Xét nghiệm – Giải phẫu bệnh**
Medical Laboratory: Laboratory Medicine and Pathology Department

Cơ quan chủ quản: **Chi nhánh Công ty cổ phần Y khoa Việt Đức – Bệnh viện đa khoa Việt Đức**
Organization: Branch of Viet Duc Medical Joint Stock Company – Viet Duc General Hospital

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học, Hóa sinh**
Field of medical testing: Hematology, Biochemistry

Người phụ trách/ **Vũ Lê Kim Chung**
Representative: Vu Le Kim Chung

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 250**

Chuẩn mực công nhận/ **ISO15189:2022**
Accreditation criteria:

Hiệu lực/ Validation: từ ngày **25 / 9 /2026** đến ngày **24 / 9 /2031**

Địa chỉ/ Address: **Lô CC 07, đường Phù Đổng, Phường Vân Phú, Tỉnh Phú Thọ**
Plot CC 07, Phu Dong Street, Van Phu Ward, Phu Tho Province

Địa điểm/Location: **Tầng 3, nhà A2, Bệnh viện đa khoa Việt Đức, Lô CC 07, đường Phù Đổng, Phường Vân Phú, Tỉnh Phú Thọ**
3rd floor, A2 tower, Viet Duc General Hospital, plot CC 07, Phu Dong Street, Van Phu Ward, Phu Tho Province

Điện thoại/ Tel: **0210 3666 678 – 119**

Email: **khoaxetnghiemvietduc@gmail.com**

Website: **www. ykhoavietduc.com**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 250

Lĩnh vực xét nghiệm: Hóa sinh

Discipline of medical testing: Biochemistry

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (specimen)/ anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm cụ thể <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết tương (Li-Heparin) Plasma (Li-Heparin)	Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglyceride</i>	Enzym so màu sử dụng GPO/POD <i>Enzymatic colorimetric with GPO/POD</i>	XN-QTHS 01(2026) (DxC 700 AU)
2.		Định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	Enzyme so màu <i>Enzymatic colorimetric</i>	XN-QTHS 02 (2026) (DxC 700 AU)
3.		Đo hoạt độ ALT (GPT) <i>Determination of Alanine aminotransferase</i>	Enzym UV động học <i>Kinetic UV</i>	XN-QTHS 05 (2026) (DxC 700 AU)
4.		Đo hoạt độ AST (GOT) <i>Determination of Aspartate aminotransferase</i>	Enzym UV động học <i>Kinetic UV</i>	XN-QTHS 06 (2026) (DxC 700 AU)
5.		Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Enzym UV sử dụng HK/G6P-DH <i>Enzymatic UV with HK/G6P-DH</i>	XN-QTHS 49 (2026) (DxC 700 AU)
6.		Định lượng acid uric <i>Determination of Uric acid</i>	Enzyme so màu sử dụng Uricase/POD <i>Enzymatic colorimetric with Uricase/POD</i>	XN-QTHS 10 (2026) (DxC 700 AU)
7.		Định lượng Protein <i>Determination of Protein</i>	Phương pháp so màu <i>Colorimetric method</i>	XN-QTHS 11 (2026) (DxC 700 AU)
8.		Định lượng Albumin <i>Determination of Albumin</i>	Phương pháp so màu <i>Colorimetric method</i>	XN-QTHS 12 (2026) (DxC 700 AU)
9.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinine</i>	Động học Jaffe (không hiệu chỉnh) <i>Kinetic Jaffe uncompensated</i>	XN-QTHS 16 (2026) (DxC 700 AU)
10.		Định lượng Urê <i>Determination of Urea</i>	Enzym UV động học sử dụng Urease/GLDH <i>Enzymatic UV with Urease/GLDH</i>	XN-QTHS 17 (2026) (DxC 700 AU)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 250

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (specimen)/ anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm cụ thể <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
11.	Huyết thanh (Gel tách) Serum (Separating gel)	Định lượng Cortisol máu <i>Determination of Cortisol</i>	Miễn dịch điện hoá phát quang <i>Electrochemiluminescence Immunoassay</i>	XN-QTMD 13 (2026) (Cobas e801)
12.		Định lượng FT3 máu <i>Determination of Free Triiodothyronine</i>	Miễn dịch điện hoá phát quang <i>Electrochemiluminescence Immunoassay</i>	XN-QTMD 18 (2026) (Cobas e801)
13.		Định lượng FT4 máu <i>Determination of Free Thyroxine</i>	Miễn dịch điện hoá phát quang <i>Electrochemiluminescence Immunoassay</i>	XN-QTMD 19 (2026) (Cobas e801)
14.		Định lượng TSH <i>Determination of Thyroid Stimulating Hormone</i>	Miễn dịch điện hoá phát quang <i>Electrochemiluminescence Immunoassay</i>	XN-QTMD 37 (2026) (Cobas e801)
15.		Định lượng Troponin T hs <i>Determination of High- sensitivity Troponin T</i>	Miễn dịch điện hoá phát quang <i>Electrochemiluminescence Immunoassay</i>	XN-QTMD 39 (2026) (Cobas e801)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 250

Lĩnh vực xét nghiệm: Huyết học

Discipline of medical testing: Hematology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (specimen)/ anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm cụ thể <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Máu toàn phần (K2-EDTA) <i>Whole blood (K2-EDTA)</i>	Đếm số lượng hồng cầu (RBC) <i>Red blood cell count</i>	Phương pháp Trở kháng tập trung dòng chảy động học <i>Direct current sheath flow detection method</i>	XN-QTHH 01 (2026) (XN-1000)
2.		Xác định nồng độ huyết sắc tố (HGB) <i>Determination of Hemoglobin</i>	SLS-hemoglobin <i>SLS-hemoglobin method</i>	XN-QTHH 02 (2026) (XN-1000)
3.		Xác định thể tích khối hồng cầu (HCT) <i>Determination of Hematocrit</i>	Phát hiện dòng chảy thủy động học <i>Hydrodynamic Focusing</i>	XN-QTHH 03 (2026) (XN-1000)
4.		Đếm số lượng bạch cầu (WBC) <i>White blood cell count</i>	Đếm tế bào dòng chảy sử dụng laser bán dẫn <i>Flow cytometry with semiconductor laser</i>	XN-QTHH 04 (2026) (XN-1000)
5.		Đếm số lượng tiểu cầu (PLT) <i>Platelet count</i>	Phương pháp Trở kháng tập trung dòng chảy động học <i>Direct current sheath flow detection method</i>	XN-QTHH 05 (2026) (XN-1000)

Ghi chú/ Note:

- XN-QTHS/HH...: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa xét nghiệm – Giải phẫu bệnh cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Laboratory Medicine and Pathology Department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

